SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 7 tháng 6 năm 2022

BIÊN BẢN
Lấy mẫu nước hiện trường

I. Thành phần

1. Đơn vị lấy mẫu: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An

- Địa chỉ: Số 140 Lê Hồng Phong - Thành phố Vinh - Nghệ An
- Đại diện: Nguyễn Thị Thu Hiền Chức vụ: CB Trung tâm KSBT
  Trần Thị Quyên Chức vụ: .....
  Nguyễn Thị Thường Chức vụ: .....
  ..... Chức vụ: .....

2. Cơ sở được lấy mẫu: Công ty cổ phần cấp nước Diễn Châu
- Địa chỉ: xã Diễn Ngọc Diễn Châu Nghệ An
- Đại diện: Hoàng Văn Minh
- Test nhanh Clo dư tại hiện trường:

+ Tại nhà máy: 0,69 mg/L
+ Tại nhà dân: 1 Trần Quốc Toản X. Trung Yên Diễn Ngọc : 0,38 mg/L
2 Lê Đức Minh K2 TT Diễn Châu : 0,26 mg/L

STT	Tên mẫu	Địa điểm lấy mẫu	Lượng mẫu	Ghi chú
1	Nước máy tại nhà máy	vòi tại nhà máy	0,5l; 2,5l và 5l	
2	Nước máy nhà dân	Trần Quốc Toản	0,5l và 2,5l	
		x. Trung Yên - D. Ngọc		
3	Nước máy nhà dân	Lê Đức Minh	0,5l và 2,5l	
		K2 - TT Diễn Châu		

Nhận xét:

.....

.....

.....

.....

.....

Đại diện cơ sở được lấy mẫu **Đại diện đơn vị lấy mẫu**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC DIỄN CHÂU
M.S.D.N: 2900619702 - C.T.C.P
H. DIỄN CHÂU - T. NGHỆ AN

Hoàng Văn Minh

Nguyễn Thị Thu Hiền

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 900

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 330/PKN-KSBT

1.Tên mẫu/*Name of sample:* Nước máy **Mã số/*Code:*** 220608/17

2. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu/*Unit requesting sample:* : Công ty CP cấp nước Diễn Châu

Xóm Yên Quang - Xã Diễn Ngọc- Huyện Diễn Châu - Tỉnh Nghệ An

3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa x 2 chai + 250/chai nút mài x 2 chai

4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 08/06/2022

5. Người lấy mẫu/*Sample taking*: CN Quyên, CN Thương

6. Kết quả thử nghiệm/Test resultle taking:

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,69
4	Màu sắc**	TCU	SMEWW 2120C:2017	15	KPH (< 1,67)
5	Độ đục	NTU	HANNA-HI 98703	2	1,23
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,24
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH (<0,006)
11	Cadmi (Cd)	mg/L	ISO 15586:2003	0,003	KPH (<0,0003)
12	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	ISO 15586:2003	0,01	KPH(<0,0015)
13	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,44
14	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	75,09
15	Đồng (Cuprum)(Cu)*	mg/L	TCVN 6193-1996	1	KPH (< 0,03)
16	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	104
17	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,21
18	Kẽm (Zincum) (Zn)*	mg/L	TCVN 6193-1996	2	KPH (<0,014)
19	Man gan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111B-Mn 2017	0,1	KPH (<0,015)
20	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,610
21	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(<0,003)
22	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500B 2017	0,3	KPH (<0,017)
23	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	17,969
24	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (<0,00015)
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	209,11
26	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181-2:2015	0,05	KPH (< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 28 tháng 06 năm 2022

PHÒNG KIỂM NGHIỆM		P.TRƯỞNG KHOA	P.GIÁM ĐỐC
LAB		*VICE HEAD OF DEPARTMENT*	*VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Hồ Thị Lan Mai**	**Cao Thuý Trinh**	*Phạm Đình Du*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.NGHỆ AN

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/***Tests are use subcontractors*

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL AND ENVIRONMENTAL HEALTH
Địa chỉ/Address: 57 Lê Quí Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Tel: 024 3971 4341 (170)

VILAS 679 – VILAS MED 123

ISO 9001:2015 CERTIFIED

VIMCERTS 058 | 391TN - TĐC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số 414.../XN - SKNN&MT

1. Tên mẫu/*Name of sample* — Nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Diễn Châu, mã mẫu 220608/17
2. Tên/địa chỉ khách hàng *Name/Address of customer* — Công ty cổ phần cấp nước Diễn Châu *Xóm Yên Quang, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.*
3. Mô tả mẫu/*Description* — Bảo quản điều kiện lạnh; Thể tích: 5 lít. Địa điểm lấy mẫu: Vòi sau xử lý tại Công ty cổ phần cấp nước Diễn Châu.
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving* — 09/06/2022
5. Người lấy/gửi mẫu/*Sampler* — Khách hàng: Cán bộ Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ An
6. Kết quả thử nghiệm/*Test result*

TT *No.*	Tên thông số *Parameter*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*	Ngưỡng giới hạn cho phép** *Regular limit*	Phương pháp thử *Test method*
1.	Antimon (Sb)(*)	<0,0020	mg/L	0,02	SMEWW 3125B:2017
2.	Bari(*)	0,019	mg/L	0,7	SMEWW 3125B:2017
3.	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)(*)	0,023	mg/L	0,3	SMEWW 3125B:2017
4.	Chromi (Cr)(*)	<0,0010	mg/L	0,05	SMEWW 3125B:2017
5.	Natri (Na)(*)	32,15	mg/L	200	SMEWW 3500 Na B: 2017
6.	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	0,076	mg/L	0,2	SMEWW 3125B:2017
7.	Nickel (Ni)(*)	0,0041	mg/L	0,07	SMEWW 3125B:2017
8.	Seleni (Se)(*)	<0,0020	mg/L	0,01	SMEWW 3125B:2017
9.	Sunfua	< 0,03	mg/L	0,05	SMEWW 4500 S^{2-} C,D:2017
10.	1,1,1 - Tricloroetan	<0,04	µg/L	2000	EPA 524.2
11.	1,2 - Dicloroetan	<0,03	µg/L	30	EPA 524.2
12.	1,2 - Dicloroeten	<0,03	µg/L	50	EPA 524.2
13.	Cacbontetraclorua(*)	<0,10	µg/L	2	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
14.	Diclorometan	<0,09	µg/L	20	EPA 524.2
15.	Tetracloroeten(*)	< 5,0	µg/L	40	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
16.	Tricloroeten	<0,02	µg/L	20	EPA 524.2
17.	Vinyl clorua	<0,04	µg/L	0,3	EPA 524.2

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/*Accredited test by BoA*
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ *The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

TT *No.*	Tên thông số *Parameter*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*	Ngưỡng giới hạn cho phép** *Regular limit*	Phương pháp thử *Test method*
18.	Benzen(*)	<0,30	µg/L	10	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
19.	Etylbenzen(*)	<9,0	µg/L	300	
20.	Phenol và dẫn xuất của Phenol(*)	<0,15	µg/L	1	EPA 8270D Revision 5, July 2014
21.	Styren(*)	<5,0	µg/L	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
22.	Toluen(*)	<9,0	µg/L	700	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
23.	Xylen(*)	<9,0	µg/L	500	
24.	1,2 – Diclorobenzen(*)	< 10,0	µg/L	1000	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
25.	Monoclorobenzen(*)	< 10,0	µg/L	300	
26.	Triclorobenzen	< 0,04	µg/L	20	EPA 524.2
27.	Acrylamide(*)	<0,05	µg/L	0,5	NIOEH.HD.H.PP.123: 2021
28.	Epiclohydrin	<0,10	µg/L	0,4	GC/ECD
29.	Hexacloro butadien	<0,04	µg/L	0,6	EPA 524.2
30.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	<0,05	µg/L	1	EPA 524.2
31.	1,2 - Dicloropropan	<0,02	µg/L	40	EPA 524.2
32.	1,3 - Dichloropropen	<0,02	µg/L	20	EPA 524.2
33.	2,4 - D	<0,06	µg/L	30	EPA 515.4
34.	2,4 - DB	<0,30	µg/L	90	EPA 515.4
35.	Alachlor	<4,0	µg/L	20	GC/FID
36.	Aldicarb	<0,20	µg/L	10	EPA 531.2
37.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	<0,081	µg/L	100	EPA 525.2
38.	Carbofuran	<0,01	µg/L	5	EPA 531.2
39.	Chlorpyrifos(*)	<0,01	µg/L	30	EPA 8270D Revision 5, July 2014
40.	Clodane(*)	<0,015	µg/L	0,2	EPA 508 Revision 3.1, 1995
41.	Clorotoluron	<1,50	µg/L	30	GC/ECD
42.	Cyanazine	<0,016	µg/L	0,6	US EPA525.3
43.	DDT và các dẫn xuất(*)	<0,016	µg/L	1	TCVN 7876:2008
44.	Dichloprop	<0,43	µg/L	100	EPA 515.4
45.	Fenoprop	<1,0	µg/L	9	GC/ECD
46.	Hydroxyatrazine	<0,081	µg/L	200	US EPA524.4
47.	Isoproturon	<1,50	µg/L	9	GC/ECD

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/*Accredited test by BoA*
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ *The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

TT *No.*	Tên thông số *Parameter*	Kết quả *Result*	Đơn vị *Unit*	Ngưỡng giới hạn cho phép** *Regular limit*	Phương pháp thử *Test method*
48.	MCPA	<0,35	µg/L	2	EPA 555
49.	Mecoprop	<0,19	µg/L	10	EPA 555
50.	Methoxychlor(*)	< 0,015	µg/L	20	EPA 508, Revision 3.1, 1995
51.	Molinate	<0,086	µg/L	6	EPA 525.2
52.	Pendimetalin	<1,0	µg/L	20	EPA 525.2
53.	Permethrin(*)	< 0,05	µg/L	20	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
54.	Propanil	<0,1	µg/L	20	EPA 532
55.	Simazine	<0,13	µg/L	2	EPA 525.2
56.	Trifuralin	<0,50	µg/L	20	EPA 525.2
57.	2,4,6 Triclorophenol(*)	< 0,15	µg/L	200	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
58.	Bromat	<1,5	µg/L	10	EPA 300.1
59.	Bromodichloromethane	<0,03	µg/L	60	EPA 524.2
60.	Bromoform	<0,20	µg/L	100	EPA 524.2
61.	Chloroform	<0,02	µg/L	300	EPA 524.2
62.	Dibromoacetonitrile	<0,001	µg/L	70	EPA 551.1
63.	Dibromochloromethane	<0,07	µg/L	100	EPA 524.2
64.	Dichloroacetonitrile	<0,001	µg/L	20	EPA 551.1
65.	Dichloroacetic acid	<0,242	µg/L	50	US EPA 552.2
66.	Formaldehyde	<0,02	µg/L	900	EPA 556
67.	Monochloramine(*)	< 0,15	mg/L	3	TCVN 6225-2:2012
68.	Monochloroacetic acid	<0,242	µg/L	20	US EPA 552.2
69.	Trichloroacetic acid	<0,079	µg/L	200	US EPA 552.2
70.	Trichloroaxetonitril	<0,003	µg/L	1	US EPA 551.1
71.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	<0,002	Bq/L	0,1	TCVN 6053-2011
72.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	0,018	Bq/L	1,0	TCVN 6219-2011

Ghi chú/Note: **: *Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2021/NA về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH *LAB.*	KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH *MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL ANALYSIS DEPARTMENT* PHÓ TRƯỞNG KHOA *VICE HEAD OF DEPARTMENT*	VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG *NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL AND ENVIRONMENTAL HEALTH* PHÓ VIỆN TRƯỞNG *VICE DIRECTOR*
Lương Thị Thanh Thủy	Tạ Thị Bình	Lê Thái Hà

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/*Accredited test by BoA*
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ *The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 900

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 332/PKN-KSBT

1.Tên mẫu/*Name of sample:* Nước máy nhà dân **Mã số/*Code:*** 220608/19

Lê Đức Minh - Khối 2- TT Diễn Châu

2. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu/*Unit requesting sample:* **:** Công ty CP cấp nước Diễn Châu

Xóm Yên Quang - Xã Diễn Ngọc- Huyện Diễn Châu - Tỉnh Nghệ An

3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa x 2 chai + 500/chai nút mài x 2 chai

4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 08/06/2022

5. Người lấy mẫu/*Sample taking*: CN Quyên, CN Thương

6. Kết quả thử nghiệm/Test resultle taking:

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,26
4	Màu sắc**	TCU	SMEWW 2120C:2017	15	0.0
5	Độ đục	NTU	HANNA-HI 98703	2	1,47
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,41
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/ *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ ***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	**1,178**
11	Cadmi (Cd)	mg/L	ISO 15586:2003	0,003	KPH(<0,00015)
12	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	ISO 15586:2003	0,01	KPH (< 0,0006)
13	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,44
14	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	76,55
15	Đồng (Cuprum)(Cu)*	mg/L	TCVN 6193-1996	1	KPH (< 0,03)
16	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	106
17	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,24
18	Kẽm (Zincum) (Zn)*	mg/L	TCVN 6193-1996	2	KPH (<0,014)
19	Man gan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3111B-Mn 2017	0,1	KPH (<0,015)
20	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,689
21	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(<0,003)
22	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500B 2017	0,3	KPH (<0,017)
23	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	16,525
24	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (<0,00015)
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	212,11
26	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181-2:2015	0,05	KPH (< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 28 tháng 06 năm 2022

PHÒNG KIỂM NGHIỆM		P.TRƯỞNG KHOA	PHÓ GIÁM ĐỐC
LAB		*VICE HEAD OF DEPARTMENT*	*VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Hồ Thị Lan Mai**	**Cao Thuý Trinh**	*Phạm Đình Du*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.NGHỆ AN

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 900

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 331/PKN-KSBT

1.Tên mẫu/*Name of sample:* Nước máy nhà dân **Mã số/*Code:*** 220608/18

Trần Quốc Toản - Xóm Trung Yên – Xã Diễn Ngọc

2. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu/*Unit requesting sample:* : Công ty CP cấp nước Diễn Châu

Xóm Yên Quang - Xã Diễn Ngọc- Huyện Diễn Châu - Tỉnh Nghệ An

3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa x 2 chai + 500/chai nút mài x 2 chai

4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 08/06/2022

5. Người lấy mẫu/*Sample taking*: CN Quyên, CN Thương

6. Kết quả thử nghiệm/Test resultle taking:

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn tối đa cho phép *Regular limit* (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,38
4	Màu sắc**	TCU	SMEWW 2120C:2017	15	0,0
5	Độ đục	NTU	HANNA-HI 98703	2	1,49
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,32
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/ *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ **Tests are use subcontractors*